

Bản án số: 02/2023/HS-ST

Ngày 12-01-2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Ngọc Sinh.

*Các Hội Thẩm nhân dân:*

Bà Trịnh Thị Sớm - giáo viên nghỉ hưu huyện An Lão;

Ông Vũ Văn Thôn - cán bộ nghỉ hưu huyện An Lão.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 76/2022/TLST- HS ngày 30 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Văn T. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 16-11-2022. Có mặt.

*Người làm chứng:* Anh Phạm Văn L, có mặt. Anh Nguyễn Văn T, anh Vũ Quốc D, anh Vũ Văn L, anh Ngô Anh Đ; đều vắng mặt. Cháu Tạ Tiến A và người đại diện hợp pháp của cháu Tạ Tiến A là: ông Tạ Văn T, bà Đặng Thị X; đều vắng mặt. Cháu Bùi Đình Q và người đại diện hợp pháp của cháu Bùi Đình Q là: Ông Bùi Đình K và bà Nguyễn Thị L; đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T, Vũ Quốc D, Nguyễn Văn T và Phạm Văn L là bạn bè chơi với nhau từ năm 2020. Do bạn của D là Bùi Đình Q có mâu thuẫn với Vũ Văn L, nên tối ngày 05-5-2021, cả nhóm tập trung tại cửa hàng mua bán điện thoại của D cách công trường Quốc Tuấn khoảng 150 mét để giải quyết mâu thuẫn giúp Q. Khoảng 21 giờ ngày 05-5-2021, khi phát hiện thấy Tạ Tiến A điều khiển xe mô tô BKS 34AA-127.79 chở bạn là Ngô Anh Đ đi qua quán điện thoại của D. Nghĩ đây là nhóm của Lương nên D đã chạy đuổi theo và bảo dừng lại. Khi T dừng xe cách quán điện thoại của D khoảng 20 mét, thì D chạy vào gầm giường kê trong quán lấy 01 thanh kiếm bằng kim loại dài khoảng 60cm, bản rộng khoảng 04cm đi ra chỗ T. Thấy vậy, Đ nhảy xuống xe bỏ chạy vào ngõ nhỏ gần đó trốn còn T thì bị D dùng sòng kiếm chém vào bắp tay bên phải. Do hoảng sợ nên T điều khiển xe mô tô bỏ chạy về phía trước. Ngay sau đó, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô Jupiter chở phía sau Phạm Văn L cầm 01 thang giường bằng gỗ dài 1,4 mét dựng ở góc cây trước cửa quán, rồi đuổi theo T. D liền lấy xe Airblade của Tiến để ở trong quán, chở Q và T đuổi theo hướng đường 360, qua cánh đồng thôn Đâu Kiên, nhưng không gặp T, nên trở về quán điện thoại. Còn T và L đuổi theo T đến ngã ba Chợ Hạ Cầu, xã Quốc Tuấn thì rẽ phải đi ra phía cánh đồng thôn Hạ Cầu. Thấy có người cầm hung khí đuổi theo mình nên T hoảng sợ, bị ngã xe và nấp ở bụi cỏ cách chỗ bị ngã xe gần 20 mét. T và L bật đèn flash điện thoại tìm T nhưng không thấy. Phát hiện ổ khóa xe gắn máy của T vẫn cắm chìa khóa nên L và T lấy xe mô tô này. T điều khiển xe mô tô của T còn L điều khiển xe Jupiter quay về thì thấy D, Q và T đang đứng ở cửa quán điện thoại. D và T hỏi “xe lấy ở đâu” thì Lộc trả lời “đuổi nó đến đoạn cánh đồng, nó chạy bỏ xe lại, bọn tao mang về”. Lúc này, có tiếng chuông điện thoại trong cốp xe của T nên D lấy chiếc điện thoại Xiaomi Note 8 ra nghe và nói với mẹ của T là bảo T ra công trường cấp THPT Quốc Tuấn lấy xe về. Sau đó D đi xe mô tô của T còn Q đi xe mô tô Jupiter đến công trường cấp THPT Quốc Tuấn và để lại xe của T ở đó rồi quay lại quán thì thấy có hai nam thanh niên đi xe mô tô ném vỏ chai vào quán của D. T liền lấy xe mô tô Airblade của T chở Q và D đuổi theo nhóm thanh niên về phía công trường THPT Quốc Tuấn thì thấy xe của T vẫn dựng ở đó. D liền điều khiển xe mô tô của T trở về quán. Sau đó, D bảo Q đi xe mô tô của T về nên Q đến nhà bạn ở xã Tân Dân để ngủ còn D chở T bằng xe mô tô Jupiter của D về nhà T ngủ. Tại đây, D nhắn tin cho T, L bàn về việc bán xe mô tô, điện thoại của T để lấy tiền chia nhau, thì được L và T đồng ý. D nhắn tin cho người đàn ông tên L ở Kiên An để nhờ bán xe và hẹn người này đến ngã tư xã Tân Dân lấy xe, đồng thời nhắn tin cho Q bảo mang xe ra ngã tư Tân Dân giao xe cho người đàn ông chờ ở đó, nhưng không nói cho Q biết mục đích bán xe. Đến chiều

ngày 06-5-2021, L nhắn tin cho D báo việc bán xe được 1.500.000 đồng và hẹn D đến chân cầu Kiến An rồi đưa cho D 700.000 đồng, số tiền bán xe còn lại là phần của L. Sau đó khoảng 5 ngày, D giới thiệu khách đến quán điện thoại gặp T để mua chiếc Xiaomi Note 8 của T với giá 1.400.000 đồng. T và L chia nhau, mỗi người được 700.000 đồng.

Bản định giá tài sản số 12 ngày 26-5-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện An Lão kết luận: “01 xe mô tô, BKS: 34AA-127.79, nhãn hiệu Viet Thai màu xanh, có số khung BPN4JH012392, số máy FMBVT5112392, đã qua sử dụng, trị giá 7.000.000 đồng; 01 chiếc điện thoại Xiaomi Note 8, đã qua sử dụng, trị giá 1.700.000 đồng. Tổng giá trị của các tài sản trên là: 8.700.000 đồng”.

Ngày 24-9-2022, Tòa án nhân dân huyện An Lão đã xét xử và tuyên phạt Nguyễn Văn T 08 năm 06 tháng tù, Phạm Văn L 07 năm tù đều về tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS); Vũ Quốc D 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS.

Tháng 02-2022, Trần Văn T tham gia nghĩa vụ quân sự, đóng quân tại Trung đoàn 43, Sư đoàn 395, Quân khu 3. Ngày 01-11-2022, T xuất ngũ trước thời hạn theo Quyết định số 06 của Sư đoàn 395, Quân khu 3.

Bản Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Không tố giác tội phạm”, quy định tại khoản 1 Điều 390 BLHS.

- Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận các tình tiết vụ án phù hợp với nội dung vụ án được tóm tắt nêu trên, thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội danh. Bị cáo ăn năn hối hận, xin xem xét được hưởng hình phạt không chịu cách ly ngoài xã hội với lý do phạm tội do suy nghĩ đơn giản khai báo ảnh hưởng việc các anh, bạn của mình có thể phải chịu trách nhiệm hình sự; chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, chính sách, pháp luật và tham gia tích cực các hoạt động tại địa phương, trách nhiệm với gia đình ngoài phạm tội lần này.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 390; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS xử Trần Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Không tố giác tội phạm”. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo, người làm chứng cung cấp đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo người làm chứng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại, nên cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người làm chứng, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa, nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 05-5-2021, tại cánh đồng thôn Hạ Câu, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô Jupiter chở Phạm Văn L cầm 01 thanh thang giường bằng gỗ đuổi theo Tạ Tiến A và chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Viet Thai BKS 34AA-127.79 trị giá 7.000.000 đồng và 01 điện thoại Xiaomi Note 8 trị giá 1.700.000 đồng của T. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 8.700.000 đồng. Trần Văn T biết rõ T, L cầm hung khí đuổi theo T rồi chiếm đoạt xe mô tô và chiếc điện thoại di động, nhưng không tố giác đến Cơ quan điều tra vì sợ bạn mình bị bắt và xử lý. Bởi vậy, đủ cơ sở kết luận: Trần Văn T phạm tội “Không tố giác tội phạm” quy định tại khoản 1 Điều 390 BLHS.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an của địa phương, nên cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe, trừng trị đối với bị cáo, qua đó nâng cao hiệu quả của công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo có thời gian tham gia quân đội nhân dân Việt Nam, nên được hưởng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chấp hành chính sách và pháp luật tại địa phương, có lý lịch, nơi cư trú rõ ràng, gia đình cam đoan bảo lãnh để cơ quan nhà nước có thẩm Q giám sát, giáo dục và gia đình giúp đỡ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội. Cần áp dụng Điều 36 BLHS quyết định cải tạo không giam giữ đối

với bị cáo này, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật. Miễn khấu trừ thu nhập sung quỹ nhà nước đối với bị cáo được hưởng cải tạo không giam giữ do không có thu nhập ổn định vì không có việc làm hoặc bị mất việc làm. Tuy nhiên, bị cáo phải thực hiện lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ một ngày và không quá 05 ngày một tuần.

[7] Bùi Đình Q biết Phạm Văn L và Nguyễn Văn T cướp tài sản của Tạ Tiến A, nhưng không trình báo Cơ quan chức năng là có dấu hiệu của tội “Không tố giác tội phạm” quy định tại khoản 1 Điều 390 BLHS. Tuy nhiên, thời điểm phạm tội, thì Q mới được 15 tuổi 09 tháng 01 ngày, nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với Q phù hợp quy định tại Điều 12 BLHS. Đối với người đàn ông tên Long ở Kiến An được D nhờ bán xe mô tô BKS 34AA-127. 79 và người đàn ông đã mua chiếc điện thoại di động mà Tiến bán của T hiện không xác định được là ai, ở đâu, nên Cơ quan điều tra Công an huyện An Lão tiếp tục điều tra, xử lý là có căn cứ.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 390; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Trần Văn T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Không tố giác tội phạm”. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Hồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập sung quỹ nhà nước đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, **Trần Văn T được hưởng cải tạo không giam giữ.**

Buộc bị cáo Trần Văn T phải thực hiện lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ một ngày và không quá 05 ngày một tuần.

Căn cứ Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trần Văn T.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về Q kháng cáo: Bị cáo có Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC 10 CATP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Công an huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Bị cáo;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Ngọc Sinh**